

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07-8-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Nguyễn Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2018/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2018, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng L, sinh năm 1976 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1974 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2018 và tại phiên tòa, bà Nguyễn Hồng L trình bày:

Vào năm 2003, bà và ông Nguyễn Trọng T chung sống với nhau như vợ chồng, đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không thể tiếp tục sống chung. Mặc dù bà đã cố gắng khuyên ông Nguyễn Trọng T để cuộc sống hòa thuận nhưng không thành. Bà và ông Nguyễn Trọng T không còn sống chung với nhau từ tháng 12/2017 (âm lịch) cho

đến nay mà không thể hòa giải, hàn gắn. Nay bà yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Trọng T. Về con chung có một người tên là Nguyễn Nhật Đ (giới tính nam), sinh ngày 21/10/2004, hiện đang do bà nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Trọng T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/6/2018, ông Nguyễn Trọng T trình bày:

Vào năm 2004, ông và bà Nguyễn Hồng L chung sống với nhau như vợ chồng đến nay không đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên tranh cãi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nay bà Nguyễn Hồng L yêu cầu ly hôn ông thì ông đồng ý. Về con chung, có một người tên là Nguyễn Nhật Đ hiện đang do bà Nguyễn Hồng L nuôi dưỡng, đúng như bà Nguyễn Hồng L đã khai. Ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, ông không yêu cầu bà Nguyễn Hồng L cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung là không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Hồng L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trọng T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Trọng T yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Trọng T là có căn cứ.

[3]. Xét về hôn nhân, bà Nguyễn Hồng L xác định giữa bà và ông Nguyễn Trọng T chung sống với nhau từ năm 2003, về phía ông Nguyễn Trọng T xác định giữa ông và bà Nguyễn Hồng L sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2004, mặc dù có mâu thuẫn về thời gian. Tuy nhiên, cả hai cùng thống nhất xác định cả hai chung sống với nhau từ khoảng thời gian 2003, 2004 đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Hồng L và ông Nguyễn Trọng T vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Căn cứ vào Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa bà Nguyễn Hồng L và ông Nguyễn Trọng T không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Hồng L và ông Nguyễn Trọng T không được công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung, có 01 người tên là Nguyễn Nhật Đ (giới tính nam), sinh ngày 21/10/2004, hiện đang do bà Nguyễn Hồng L nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Hồng L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Trọng T cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Trọng T cũng có nguyện vọng được nuôi con chung không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, hiện tại con chung đang sống với bà Nguyễn Hồng L, đồng thời Nguyễn Nhật Đ cũng có nguyện vọng được sống cùng

với bà Nguyễn Hồng L. Để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung nên giao cho bà Nguyễn Hồng L tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Hồng L không yêu cầu ông Nguyễn Trọng T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Tài sản chung và nợ chung không có và các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Hồng L chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Hồng L và ông Nguyễn Trọng T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao người con chung tên là Nguyễn Nhật Đ (giới tính nam), sinh ngày 21/10/2004 cho bà Nguyễn Hồng L tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Trọng T không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Trọng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Hồng L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Hồng L đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006913, ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Hồng L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Trọng T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước